

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2024/HC-PT

Ngày 18 tháng 3 năm 2024.

V/v: “Khiếu kiện hành vi hành chính
không ban hành quyết định bồi thường, hỗ
trợ khi thu hồi đất”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Nguyễn Văn Tửu

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 848/2023/TLPT-HC ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính không ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 59/2023/HC-ST ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 632/2024/QĐPT-HC ngày 01 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Lê Thanh M, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: số D, đường V, khu phố V, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Kim Đ, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: số nhà A, ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Người bị kiện:

Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Quang H, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê Quốc T, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: số D đường C, khu phố B, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của người bị kiện: Ông Trần Quang L, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH Đ2 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 41, đường Hoàng Văn Thụ, khu phố 5, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

2. Vườn Quốc gia Phú Quốc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T1, chức vụ: Giám đốc (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp X, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, ông Bùi Kim Đ đại diện theo ủy quyền của khởi kiện trình bày:*

Vào ngày 02/02/2005 ông M có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Hùng S với diện tích 29.400m² và thành quả trên đất là cây trồng lâu năm gồm đào, trầm bông vàng, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Nguồn gốc đất này trước đây ông S nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị H2 diện tích 10.400m² vào ngày 14/6/2003 (có giấy tay), thời điểm nhận chuyển nhượng có trầm và đào trên đất và nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Phạm Ngọc O, bà Nguyễn Thị H3 diện tích 19.000m² trên đất có thành quả cây trồng là trầm và đào (giấy mua bán ngày 20/4/2004). Hai thửa đất này liền kề nhau, qua đo đạc thực tế có diện tích 30.000,8m².

Để thực hiện Dự án Khu D tại ấp G, thị trấn A, ấp Đ, xã D, huyện P. Ngày 28/12/2015, UBND huyện P (nay là thành phố P), tỉnh Kiên Giang đã ban hành quyết định thu hồi đất của ông M với diện tích 30.000,8m². Trên đất có 13 cây trầm bông vàng loại A, loại B 237 cây, loại C 03 cây.

Sau khi UBND huyện thu hồi đất và vận động ông giao đất cho dự án, ông đã giao đất nhưng đến nay Ủy ban chưa ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông đối với diện tích đất bị thu hồi và cây trồng trên đất. Ông đã khiếu nại nhưng U không giải quyết.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông đối với diện tích đất bị thu hồi

30.000,8m² và cây trồng trên đất. Ông cam kết không khiếu nại, yêu cầu Ủy ban giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, đại diện người bị kiện trình bày ý kiến tại văn bản số 717/UBND – NCPC ngày 09/5/2023 như sau:

Căn cứ vào hồ sơ, tài liệu liên quan UBND thành phố có ý kiến như sau:

Ngày 18/6/1998, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 2163/QĐ UBND về việc giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Q với diện tích 33.307,82ha để bảo vệ và phát triển rừng tại huyện P do Ban Q quản lý.

Ngày 12/10/2006, Chủ tịch UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 1656/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu du lịch dân cư B và N huyện P, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000.

Ngày 06/11/2006, UBND huyện phối hợp với các cơ quan chuyên môn tiến hành công bố quy hoạch chi tiết xây dựng khu du lịch dân cư Bắc và N, huyện P theo Biên bản số 23/BB-UBND.

Ngày 24/5/2007, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 904/QĐ- UBND về việc thu hồi đất và giao UBND huyện P, để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, thực hiện quy hoạch xây dựng khu Du lịch – Dân cư Bắc và N Bãi trường tại xã D, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 08/11/2007, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 2180/QĐ- UBND về việc phê duyệt phương án tổng thể bồi thường khu vực quy hoạch xây dựng khu du lịch – Dân cư Nam Bãi T2 tại xã D, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Ông Lê Thanh M không kê khai đo đạc lập phương án.

Ngày 12/11/2010, ông Lê Thanh M làm đơn xin đo đạc lập phương án. Ngày 09/01/2011, Trung Tâm K phối hợp với các cơ quan chuyên môn tiến hành đo đạc và lập biên bản phúc tra diện tích đất của ông Lê Thanh M. Theo Biên bản ông M được đo đạc với diện tích là 30.000,7m².

Ngày 20/10/2011, UBND huyện P ban hành Quyết định số 5046/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án khu du lịch - Dân cư N tại xã D, thị trấn A, huyện P. Ông M chưa được lập phương án bồi thường.

Ngày 27/9/2013, UBND xã D tiến hành xét duyệt nguồn gốc đất đối với những hộ dân tại dự án khu D tại xã D Theo Biên bản số 50/BB-HĐ về xét duyệt nguồn gốc đất trong đó có hộ ông Lê Thanh M. Nội dung xét duyệt có nguồn gốc là đất bao chiếm sau ngày 01/7/2004.

Ngày 28/12/2015, UBND huyện (nay là thành phố) Phú Quốc ban hành quyết định số 6905/QĐ-UBND về việc thu hồi đất diện tích 30.000,8m² đối với ông Lê Thanh M để thực hiện dự án.

Ngày 12/5/2017, UBND huyện (nay là thành phố) Phú Quốc ban hành Quyết định số 4644/QĐ-UBND về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

dự án Khu D tại thị trấn A, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Tại Quyết định ông Lê Thanh M được bồi thường với số tiền 0 đồng (không đồng).

Ngày 22/8/2018, UBND huyện (nay là thành phố) Phú Quốc ban hành quyết định số 2611/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 4644/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của UBND huyện P về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu D tại thị trấn A, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Qua kết quả kiểm tra việc ông Lê Thanh M yêu cầu ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 30.000,8m² không phù hợp Điều 77; Điều 82 Luật Đất đai năm 2013. Vì qua kết quả làm việc với ông Nguyễn Đức A là trưởng ấp Đường Bào thời điểm kiểm kê đo đạc thửa đất và nguồn gốc do hội đồng xét duyệt UBND xã D xác định phần diện tích đất trên ông M đang khiếu nại sử dụng sau ngày 01/7/2004, thuộc đất BQL Rừng phòng hộ quản lý theo Quyết định 2163/QĐ-UBND ngày 18/6/1998. Đồng thời, qua kiểm tra chứng cứ do ông M cung cấp gồm các giấy tay sang nhượng ngày 14/6/2003; giấy sang nhượng ngày 20/4/2004; biên nhận ngày 05/4/2008; biên nhận ngày 10/4/2008 và biên nhận ngày 21/4/2008 thì các chữ ký của người mua bán là các chữ ký khác nhau và không cùng một người ký tên. Do đó, các giấy tờ trên là không khách quan và không đủ cơ sở làm chứng cứ.

Từ kết quả trên việc UBND thành phố P ban hành Quyết định số 2611/QĐ-UBND ngày 22/8/2018 về việc thu hồi Quyết định số 4644/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của UBND huyện P về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu D tại thị trấn A, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang của ông Lê Thanh M là đúng quy định pháp luật. UBND thành phố P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bác đơn khởi kiện của ông Lê Thanh M.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 59/2023/HC-ST ngày 11/5/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 158, Điều 193, Điều 194 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 77, Điều 82 Luật Đất đai năm 2013

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh M.

2. Buộc UBND thành phố P, tỉnh Kiên Giang thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định pháp luật khi thu hồi diện tích 30.000,8m² tại ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang do ông Lê Thanh M sử dụng. Cụ thể: Lập, thẩm định phương án, ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với diện tích 30.000,8m² tại ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang cho ông Lê Thanh M.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/6/2023, người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang kháng cáo bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

- Việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính. Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang kháng cáo đúng quy định nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Người khởi kiện yêu cầu UBND thành phố P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ là khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 30, Điều 32 của Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1.1] Về nguồn đất của ông Lê Thanh M bị thu hồi:

Theo tài liệu có trong hồ sơ do ông M cung cấp thể hiện ngày 02/02/2005 ông M có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Hùng S với diện tích 29.400m² và thành quả trên đất là cây trồng lâu năm, gồm đào, trầm bông vàng, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Nguồn gốc đất này trước đây ông S nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị H2 diện tích 10.400m² vào ngày 14/6/2003 (có giấy tay), thời điểm nhận chuyển nhượng có trầm và đào trên đất và nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Phạm Ngọc O, bà Nguyễn Thị H3 diện tích 19.000m² trên đất có thành quả cây trồng là trầm và đào (giấy mua bán ngày 20/4/2004). Nguyễn Thị H2 và Nguyễn Thị H3 là chị em ruột.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh và ghi lời khai của bà Nguyễn Thị H2: Bà H2 trình bày vợ chồng bà có hai thửa đất, một thửa để ở và một thửa trồng cây lâu năm, thửa trồng cây lâu năm có diện tích khoảng 10.000m² tại ấp Đ, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang diện tích thửa đất này đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hùng S. Nguồn gốc đất này vợ chồng bà khai khẩn vào năm 1990 để trồng cây ngắn ngày và trồng đào, trầm bông vàng. Thửa đất này liền kề với thửa đất của vợ chồng Nguyễn Thị H3, vợ chồng Nguyễn Thị H3 cũng chuyển nhượng cho ông S. Vợ chồng bà H3 cũng khai khẩn cùng thời điểm với vợ chồng bà. Quá trình sử dụng không ai tranh chấp và cũng không bị cơ quan nhà nước ngăn cản hay xử lý về hành vi sử dụng đất.

Tòa án cấp sơ thẩm cũng tiến hành ghi lời khai ông Lê Văn L1, ông L1 trình bày: Ông sinh sống và công tác tại ấp Đ, nhiều chức vụ khác nhau ở ấp, sau khi nhà nước thu hồi đất tại ấp Đ để làm dự án thì ông nghỉ công tác, thời điểm nghỉ việc ông là Phó ban lãnh đạo ấp Đ và về thị trấn D, P sinh sống đến nay. Vào thời điểm 2003, 2004 ông làm Phó ban lãnh đạo ấp Đường Bào nên ông có biết được vợ chồng ông H1, bà H2 và vợ chồng bà H3, ông O chuyển nhượng đất trồng cây lâu năm cho ông S. Nguồn gốc đất chuyển nhượng do tự khai khẩn tại ấp Đ; lời khai ông Đ1, ông Đ1 trình bày: ông sinh ra và lớn lên tại ấp Đ, xã D, thành phố P. Ông làm Công an ấp từ năm 1992, đến năm 1997 làm trưởng ấp và nghỉ việc từ năm 2004. Từ năm 1997 thì ông đã biết ông H1, bà H2 có đất trồng cây lâu năm tại ấp Đ, vì vào khoảng thời gian năm 1992, 1993 ông có đến khu vực này để xin đất khai khẩn nhưng xung quanh khu vực đất bà H2 đã có người sử dụng. Đất bà H2 sau này ông nghe nói chuyển nhượng cho người khác; lời khai của ông Hồ Văn T3: ông sinh sống tại ấp Đ, xã D từ năm 1990 và ông có khai khẩn diện tích 1,3ha tại ấp Đ gần với khu đất của vợ chồng bà H3 và vợ chồng bà H2, thời điểm này đất bà H3 và bà H2 trồng đào, trầm bông vàng. Còn việc sau này hai bà bán cho ai thì ông không nắm rõ tên tuổi. Lời khai của ông Đặng Văn N1 nguồn gốc đất của ông M theo tôi được biết thì ông nhận chuyển nhượng của ông S nhưng năm nào thì tôi không nhớ rõ, tôi chỉ biết nguồn gốc đất này trước đây là

của vợ chồng bà H3 và vợ chồng bà H2 chuyển nhượng cho ông S năm 2003, 2004 ông là người ký giáp ranh vào tờ mua bán giữa các bên.

Như vậy, theo lời trình bày trên và căn cứ giấy chuyển nhượng đất của ông O, bà H3 chuyển nhượng cho ông S đề ngày 20/4/2004 và giấy chuyển nhượng của ông H1, bà H2 chuyển nhượng cho ông S đề ngày 14/6/2003 có căn cứ xác định diện tích đất của ông M bị thu hồi có nguồn gốc sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004.

[2.1.2] Về điều kiện bồi thường:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 77 và khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 thì trường hợp đất của ông M sử dụng trước ngày 01/7/2004 nên đủ điều kiện bồi thường.

Ngày 12/5/2017, UBND huyện (nay là thành phố) Phú Quốc ban hành Quyết định số 4644/QĐ-UBND về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu D tại thị trấn A, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Tại Quyết định ông Lê Thanh M được bồi thường với số tiền 0 đồng (không đồng); ngày 22/8/2018, UBND huyện (nay là thành phố) Phú Quốc ban hành quyết định số 2611/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 4644/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của UBND huyện P về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu D tại thị trấn A, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Xét thấy, việc Ủy ban nhân dân thành phố B1 quyết định bồi thường cho ông M 0 đồng là chưa phù hợp với quy định của pháp luật nên ngày 22/8/2018 Ủy ban P đã ban hành quyết định số 2611/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 4644/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của UBND huyện P để ban hành quyết định mới bồi thường, hỗ trợ cho ông M là phù hợp pháp luật. Tuy nhiên, đến nay UBND thành phố P vẫn chưa ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M: Buộc UBND thành phố P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông đối với diện tích đất bị thu hồi 30.000,8m².

Từ những nhận định trên xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh M là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Lê Thanh M không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

[3.2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang không được chấp nhận, nên Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang;

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 59/2023/HC-ST ngày 11/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 158, Điều 193, Điều 194 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 77, Điều 82 Luật Đất đai năm 2013

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh M.

2. Buộc UBND thành phố P, tỉnh Kiên Giang thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định pháp luật khi thu hồi diện tích 30.000,8m² tại ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang do ông Lê Thanh M sử dụng. Cụ thể: Lập, thẩm định phương án, ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với diện tích 30.000,8m² tại ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang cho ông Lê Thanh M.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông Lê Thanh M theo biên lai thu số 0004520 ngày 21/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003883 ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Kiên Giang; (1)
- VKSND tỉnh Kiên Giang; (1)
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (1)
- NCQLNVLQ; (2)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA-Tâm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết Trinh